

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ; Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 6 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến Lực lượng tham gia vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 2062/TTr-CAT-TM ngày 08/6/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (ANTT) ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau: 2.128 Tổ bảo vệ ANTT ở 2.128 thôn, tổ dân phố; 6.809 thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tỉnh ban hành hướng dẫn hoạt động của Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong

trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục XDPTBVANTQ, Bộ Công an;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh (TT BCĐ tỉnh);
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, TH;
- Lưu: VT, NC (Bên).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ánh Dương**

**DANH SÁCH**

**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Sơn Động**  
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn An Châu	15	0	0	15	45
2.	Thị trấn Tây Yên Tử	07	01	0	06	23
3.	Xã Yên Định	06	0	0	06	18
4.	Xã Thanh Luận	04	0	0	04	12
5.	Xã Long Sơn	05	0	02	03	17
6.	Xã Vân Sơn	04	0	0	04	12
7.	Xã Đại Sơn	09	0	01	08	28
8.	Xã An Lạc	10	0	0	10	30
9.	Xã Vĩnh An	12	0	0	12	36
10.	Xã Dương Hưu	08	0	0	08	24
11.	Xã Cẩm Đàn	06	0	0	06	18
12.	Xã Phúc Sơn	06	0	0	06	18
13.	Xã Hữu Sản	04	0	0	04	12
14.	Xã Lệ Viễn	06	0	0	06	18
15.	Xã An Bá	06	0	0	06	18
16.	Xã Tuấn Đạo	12	0	0	12	36
17.	Xã Giáo Liêm	04	0	0	04	12
<b>Tổng</b>		<b>124</b>	<b>01</b>	<b>03</b>	<b>120</b>	<b>377</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Lục Ngạn**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Chũ	19	0	0	19	57
2.	Xã Tân Quang	12	0	0	12	36
3.	Xã Tân Hoa	09	0	01	08	28
4.	Xã Tân Sơn	12	0	0	12	36
5.	Xã Phượng Sơn	15	0	02	13	47
6.	Xã Trù Hựu	15	0	01	14	46
7.	Xã Nam Dương	09	0	04	05	31
8.	Xã Kim Sơn	04	0	0	04	12
9.	Xã Phong Minh	04	0	0	04	12
10.	Xã Phú Nhuận	13	0	0	13	39
11.	Xã Đèo Gia	07	0	0	07	21
12.	Xã Phong Vân	08	0	0	08	24
13.	Xã Hộ Đáp	06	0	0	06	18
14.	Xã Hồng Giang	14	0	0	14	42
15.	Xã Tân Mộc	08	0	0	08	24
16.	Xã Quý Sơn	25	0	04	21	79
17.	Xã Kiên Thành	17	0	0	17	51
18.	Xã Kiên Lao	10	0	0	10	30
19.	Xã Biên Động	09	0	01	08	28
20.	Xã Tân Lập	16	0	0	16	48
21.	Xã Thanh Hải	30	0	0	30	90
22.	Xã Giáp Sơn	10	01	02	07	34
23.	Xã Cẩm Sơn	07	0	0	07	21
24.	Xã Sa Lý	05	0	0	05	15
25.	Xã Sơn Hải	05	0	0	05	15
26.	Xã Đồng Cốc	08	0	0	08	24
27.	Xã Phi Điền	04	0	01	03	13
28.	Xã Biên Sơn	12	0	0	12	36
29.	Xã Mỹ An	09	0	0	09	27
<b>Tổng</b>		<b>322</b>	<b>01</b>	<b>16</b>	<b>305</b>	<b>984</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Lục Nam**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Đồi Ngô	24	0	0	24	72
2.	Thị trấn Phương Sơn	10	0	0	10	30
3.	Xã Tam Dị	18	02	04	12	62
4.	Xã Tiên Nha	05	0	0	05	15
5.	Xã Đông Hưng	13	0	0	13	39
6.	Xã Đông Phú	17	0	0	17	51
7.	Xã Bảo Đài	11	01	02	08	37
8.	Xã Bảo Sơn	14	01	04	09	48
9.	Xã Thanh Lâm	08	03	02	03	32
10.	Xã Lan Mẫu	06	01	04	01	24
11.	Xã Yên Sơn	13	0	0	13	39
12.	Xã Bắc Lũng	07	01	01	05	24
13.	Xã Khám Lạng	08	0	01	07	25
14.	Xã Cẩm Lý	13	0	0	13	39
15.	Xã Vũ Xá	06	0	0	06	18
16.	Xã Đan Hội	05	01	0	04	17
17.	Xã Cương Sơn	08	0	0	08	24
18.	Xã Huyền Sơn	10	0	0	10	30
19.	Xã Nghĩa Phương	21	01	03	17	68
20.	Xã Vô Tranh	13	0	0	13	39
21.	Xã Bình Sơn	12	0	0	12	36
22.	Xã Lục Sơn	14	0	0	14	42
23.	Xã Trường Giang	05	0	0	05	15
24.	Xã Trường Sơn	13	0	0	13	39
25.	Xã Chu Điện	08	3	01	04	31
<b>Tổng</b>		<b>282</b>	<b>14</b>	<b>22</b>	<b>246</b>	<b>896</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Lạng Giang**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Vôi	16	05	0	11	58
2.	Thị trấn Kép	15	0	0	15	45
3.	Xã Quang Thịnh	13	01	02	10	43
4.	Xã Nghĩa Hòa	10	02	0	08	34
5.	Xã An Hà	11	0	0	11	33
6.	Xã Nghĩa Hưng	08	0	01	07	25
7.	Xã Đào Mỹ	12	0	0	12	36
8.	Xã Tiên Lục	09	02	06	01	37
9.	Xã Tân Thanh	12	0	02	10	38
10.	Xã Mỹ Thái	08	01	01	06	27
11.	Xã Mỹ Hà	11	0	0	11	33
12.	Xã Dương Đức	10	0	02	08	32
13.	Xã Xuân Hương	10	02	02	06	36
14.	Xã Tân Đình	16	0	02	14	50
15.	Xã Thái Đào	14	0	02	12	44
16.	Xã Đại Lâm	08	01	0	07	26
17.	Xã Xương Lâm	15	0	01	14	46
18.	Xã Tân Hưng	15	0	0	15	45
19.	Xã Yên Mỹ	10	0	0	10	30
20.	Xã Hương Lạc	17	0	0	17	51
21.	Xã Hương Sơn	21	0	04	17	67
<b>Tổng</b>		<b>261</b>	<b>14</b>	<b>25</b>	<b>222</b>	<b>836</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Yên Thế**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1	Thị trấn Phồn Xương	13	0	0	13	39
2	Thị trấn Bó Hạ	13	0	0	13	39
3	Xã An Thượng	10	0	0	10	30
4	Xã Canh Nậu	14	0	0	14	42
5	Xã Đồng Hưu	12	0	0	12	36
6	Xã Đồng Kỳ	10	0	0	10	30
7	Xã Đồng Lạc	07	0	0	07	21
8	Xã Đồng Sơn	14	0	0	14	42
9	Xã Đồng Tâm	06	0	0	06	18
10	Xã Đồng Tiến	08	0	0	08	24
11	Xã Đồng Vương	10	0	0	10	30
12	Xã Hồng Kỳ	10	0	0	10	30
13	Xã Hương Vĩ	11	0	0	11	33
14	Xã Tam Hiệp	06	0	0	06	18
15	Xã Tam Tiến	12	0	0	12	36
16	Xã Tân Hiệp	10	0	0	10	30
17	Xã Tân Sỏi	08	0	0	08	24
18	Xã Tiến Thắng	09	0	0	09	27
19	Xã Xuân Lương	14	0	0	14	42
<b>Tổng</b>		<b>197</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>197</b>	<b>591</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Tân Yên**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Cao Thượng	26	0	0	26	78
2.	Thị trấn Nhã Nam	17	0	0	17	51
3.	Xã An Dương	19	0	0	19	57
4.	Xã Cao Xá	25	0	0	25	75
5.	Xã Đại Hóa	09	0	0	09	27
6.	Xã Hợp Đức	10	0	01	09	31
7.	Xã Lam Cốt	19	0	0	19	57
8.	Xã Lan Giới	08	0	0	08	24
9.	Xã Liên Chung	10	01	0	09	32
10.	Xã Liên Sơn	07	0	0	07	21
11.	Xã Ngọc Châu	12	0	0	12	36
12.	Xã Ngọc Lý	12	0	0	12	36
13.	Xã Ngọc Thiện	27	0	0	27	81
14.	Xã Ngọc Vân	18	0	0	18	54
15.	Xã Phúc Hòa	11	01	0	10	35
16.	Xã Phúc Sơn	11	0	0	11	33
17.	Xã Quang Tiến	12	0	0	12	36
18.	Xã Quế Nham	10	0	03	07	33
19.	Xã Song Vân	13	0	0	13	39
20.	Xã Tân Trung	18	0	0	18	54
21.	Xã Việt Lập	13	0	01	12	40
22.	Xã Việt Ngọc	10	0	01	09	31
<b>Tổng</b>		<b>317</b>	<b>02</b>	<b>06</b>	<b>309</b>	<b>961</b>



**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Hiệp Hòa**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Bắc Lý	11	02	0	09	37
2.	Thị trấn Thắng	16	05	0	11	58
3.	Xã Đông Tân	07	0	0	07	21
4.	Xã Thanh Vân	07	0	0	07	21
5.	Xã Hoàng Lương	06	0	01	05	19
6.	Xã Hoàng Thanh	07	0	0	07	21
7.	Xã Hoàng An	03	03	0	0	15
8.	Xã Hoàng Vân	06	0	01	05	19
9.	Xã Thái Sơn	05	0	02	03	17
10.	Xã Hòa Sơn	04	0	02	02	14
11.	Xã Hùng Sơn	03	01	01	01	12
12.	Xã Quang Minh	03	02	0	01	13
13.	Xã Đại Thành	03	01	01	01	12
14.	Xã Hợp Thịnh	06	02	02	02	24
15.	Xã Mai Trung	07	03	01	03	28
16.	Xã Thường Thắng	09	0	02	07	29
17.	Xã Xuân Cẩm	05	05	0	0	25
18.	Xã Hương Lâm	08	03	01	04	31
19.	Xã Châu Minh	05	03	01	01	22
20.	Xã Mai Đình	10	04	0	06	38
21.	Xã Đông Lỗ	11	02	05	04	42
22.	Xã Đoàn Bái	11	02	01	08	38
23.	Xã Lương Phong	13	03	03	07	48
24.	Xã Ngọc Sơn	07	01	05	01	28
25.	Xã Danh Thắng	08	0	03	05	27
<b>Tổng</b>		<b>181</b>	<b>42</b>	<b>32</b>	<b>107</b>	<b>659</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Yên Dũng**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Thị trấn Nham Biền	15	03	0	12	51
2.	Thị trấn Tân An	15	0	0	15	45
3.	Xã Nội Hoàng	06	0	0	06	18
4.	Xã Tiền Phong	05	03	0	02	21
5.	Xã Tân Liễu	03	01	0	02	11
6.	Xã Cảnh Thụy	09	0	0	09	27
7.	Xã Hương Gián	12	0	0	12	36
8.	Xã Lão Hộ	04	0	0	04	12
9.	Xã Yên Lư	17	0	01	16	52
10.	Xã Tư Mại	09	0	02	07	29
11.	Xã Tiến Dũng	07	0	03	04	24
12.	Xã Đồng Phúc	08	01	02	05	28
13.	Xã Đồng Việt	07	01	01	05	24
14.	Xã Đức Giang	10	0	01	09	31
15.	Xã Lãng Sơn	09	0	01	08	28
16.	Xã Xuân Phú	09	0	0	09	27
17.	Xã Quỳnh Sơn	07	0	02	05	23
18.	Xã Trí Yên	07	0	0	07	21
<b>Tổng</b>		<b>159</b>	<b>09</b>	<b>13</b>	<b>137</b>	<b>508</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã Việt Yên**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Phường Bích Động	14	01	0	13	44
2.	Phường Nénh	11	06	0	05	45
3.	Phường Quang Châu	08	02	0	06	28
4.	Phường Vân Trung	07	01	0	06	23
5.	Phường Hồng Thái	05	02	0	03	19
6.	Phường Tăng Tiến	05	03	0	02	21
7.	Phường Quảng Minh	05	02	0	03	19
8.	Phường Tự Lạn	05	02	0	03	19
9.	Phường Ninh Sơn	07	0	0	07	21
10.	Xã Hương Mai	08	03	01	04	31
11.	Xã Nghĩa Trung	09	0	05	04	32
12.	Xã Minh Đức	16	02	01	13	53
13.	Xã Việt Tiến	05	04	01	0	24
14.	Xã Tiên Sơn	06	03	02	01	26
15.	Xã Trung Sơn	12	01	02	09	40
16.	Xã Thượng Lan	08	0	02	06	26
17.	Xã Vân Hà	03	02	0	01	13
<b>Tổng</b>		<b>134</b>	<b>34</b>	<b>14</b>	<b>86</b>	<b>484</b>

**DANH SÁCH**  
**Số lượng Tổ bảo vệ ANTT và số lượng thành viên**  
**Tổ bảo vệ ANTT ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Bắc Giang**

TT	Đơn vị	Thôn, Tổ dân phố				Tổng số thành viên
		Tổng số thôn, tổ dân phố	Thôn, tổ dân phố trên 500 hộ (bố trí 05 thành viên)	Thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ (bố trí 04 thành viên)	Thôn, tổ dân phố còn lại (bố trí 03 thành viên)	
1.	Phường Trần Phú	07	01	0	06	23
2.	Phường Lê Lợi	08	01	0	07	26
3.	Phường Hoàng Văn Thụ	10	01	0	09	32
4.	Phường Ngô Quyền	09	01	0	08	29
5.	Phường Trần Nguyên Hãn	11	0	0	11	33
6.	Phường Thọ Xương	17	02	0	15	55
7.	Phường Xương Giang	09	02	0	07	31
8.	Phường Đình Kê	11	05	0	06	43
9.	Phường Mỹ Độ	04	01	0	03	14
10.	Phường Đa Mai	07	0	0	07	21
11.	Xã Đình Trì	15	0	02	13	47
12.	Xã Tân Tiến	09	01	02	06	31
13.	Xã Đồng Sơn	06	01	05	0	25
14.	Xã Song Khê	04	04	0	0	20
15.	Xã Tân Mỹ	11	02	03	06	40
16.	Xã Song Mai	13	02	0	11	43
<b>Tổng</b>		<b>151</b>	<b>24</b>	<b>12</b>	<b>115</b>	<b>513</b>